

Số: /TTr-UBND

Krông Nô, ngày tháng 7 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 94/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 02 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc phân cấp thẩm quyền quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hàng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của HĐND huyện Krông Nô về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Krông Nô;*

*Căn cứ Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Krông Nô về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô;*

*Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2024 (đợt 4);*

Để đảm bảo thực hiện và quản lý đầu tư các danh mục dự án đầu tư công thuộc các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia đúng quy định và các văn bản hướng dẫn của trung ương, tỉnh; UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định phê duyệt điều chỉnh bổ sung danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 thực hiện thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô với các nội dung như sau:

### **I. Căn cứ xây dựng**

Tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia:

"3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

*Điều 6. Lập, phê duyệt và giao kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của cơ quan chủ quản chương trình*

*5. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 5 năm, cơ quan chủ quản chương trình phải hoàn thành việc lập, phê duyệt, giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn, thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm của từng Chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc.*

*a) Đối với việc lập kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối từ ngân sách cấp tỉnh); tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 5 năm (nếu có) của từng chương trình mục tiêu quốc gia, chi tiết theo cơ cấu vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn trong nước, vốn nước ngoài, vốn hợp pháp khác (nếu có) theo từng dự án thành phần; danh mục dự án đầu tư công trung hạn (bao gồm: Tên dự án, chủ đầu tư, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian thực hiện và các thông tin khác có liên quan).*

*b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm, danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm; thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc.*

c) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 5 năm của chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, tổng hợp danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm và hằng năm trong giai đoạn 5 năm của cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm và thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm cho các cơ quan, đơn vị, cấp xã trực thuộc.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Lập và giao kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm**

5. Giao kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm

a) Bộ, cơ quan trung ương và ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương hoàn thành việc giao mục tiêu, nhiệm vụ; dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư vốn hàng năm chi tiết theo dự án thành phần thuộc từng chương trình, danh mục dự án đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

Đối với lập, phê duyệt và giao danh mục dự án đầu tư công thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương, thực hiện theo quy định về phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc phân cấp thẩm quyền quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hàng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2023.

Như vậy, UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 thực hiện thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nông là đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

## 1. Trước điều chỉnh

**1.1.** Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gồm 04 danh mục công trình như sau: Công trình: Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Bon Choih, xã Đức Xuyên; Đường nội thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú; Đường Bê tông ra khu sản xuất thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú; Đường Bê tông ra khu sản xuất thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú với tổng mức đầu tư là 5.043 triệu đồng.

**1.2.** Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 22 danh mục công trình: gồm xã Năm N'Đir 1 công trình, xã Nam Xuân 5 công trình, xã Quảng Phú 5 công trình, xã Đăk Nang 11 công trình, với tổng mức đầu tư là 17.855,288 triệu đồng.

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

## 2. Sau điều chỉnh, bổ sung

**2.1.** Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gồm 04 danh mục công trình, với tổng mức đầu tư 5.053 triệu đồng, cụ thể:

- Công trình Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Bon Choih, xã Đức Xuyên điều chỉnh địa điểm thực hiện, thời gian thực hiện, tổng mức đầu tư từ 2.841 triệu đồng lên 2.851 triệu đồng.

- Các công trình: Đường nội thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú; Đường bê tông ra khu sản xuất thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú; Đường Bê tông ra khu sản xuất thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú điều chỉnh thời gian thực hiện, quy mô đầu tư.

**2.2.** Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 24 danh mục dự án với tổng mức đầu tư là **19.455,288** triệu đồng, cụ thể:

**2.2.1.** Xã Năm N'Đir 02 công trình, với tổng mức đầu tư: 1.800 triệu đồng, gồm:

- Công trình: Đường bê tông nông thôn từ Quốc lộ 28 đến rẫy nhà ông Lê Văn Phương (Thôn Nam Xuân), điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn;

- Công trình: Cổng chào xã Năm N'Đir bổ sung danh mục mới từ nguồn vốn khen thưởng công trình phúc lợi theo Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND tỉnh Đăk Nông.

**2.2.2.** Xã Nam Xuân: 6 danh mục công trình, với tổng mức đầu tư: **3.080,210 triệu đồng.**

- Các công trình: Đường bê tông thôn Lương Sơn xã Nam Xuân (Từ nhà ông Nguyễn Văn Khuê đến nhà ông Phạm Công Thức dài khoảng 120m, từ rẫy ông Nguyễn Văn Thủ đến rẫy bà Nguyễn Thị Lực dài khoảng 495m); Đường bê

tông thôn Thanh Sơn xã Nam Xuân. Gồm 3 tuyến: (Từ đường bê tông WB đến nhà ông Vi Văn Bé dài khoảng 221m, Từ nhà ông Hứa Xuân Huân đến nhà bà Lương Thị Kiểm dài khoảng 133m, Từ nhà ông Hoàng Văn Len đến nhà ông Chu Văn Thời dài khoảng 72m); Nhà vệ sinh các thôn Lương Sơn, Đăk Hưng xã Nam Xuân; Đường bê tông thôn Đăk Sơn xã Nam Xuân; Đường bê tông thôn Lương Sơn xã Nam Xuân (đoạn đầu từ nhà ông Ngô Quang Trung đến nhà ông Bùi Văn Biền) điều chỉnh quy mô đầu tư, cơ cấu nguồn vốn.

- Công trình: Cổng chào xã Nam Xuân bổ sung danh mục mới từ nguồn vốn khen thưởng công trình phúc lợi theo Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông.

**2.2.3. Xã Quảng Phú:** 5 danh mục công trình với tổng mức đầu tư là 4.751,578 triệu đồng, gồm:

- Các công trình: Xây mới nhà văn hóa Thôn Phú Lợi; Xây mới cổng hàng rào nhà văn hóa thôn Phú Vinh; Xây mới cổng, tường rào, nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn Phú Hòa; Sân bê tông trường bê Văn Đàn (Phân hiệu Thôn Phú Hòa); Xây mới cổng hàng rào nhà văn hóa thôn Phú Lợi, điều chỉnh quy mô đầu tư.

**2.2.4. Xã Đăk Nang:** 11 danh mục công trình, với tổng mức đầu tư: **9.823,500 triệu đồng.**

- Công trình: Đường bê tông vào khu sản xuất thôn Phú Tân, xã Đăk Nang điều chỉnh tên công trình do trùng tên.

- Các công trình: Đường bê tông nông thôn vào khu sản xuất thôn Phú Tiến, xã Đăk Nang (Dự kiến tại Km 1.500 đến Km 2.500); Đường bê tông thôn Phú Thịnh xã Đăk Nang; Đường bê tông vào khu sản xuất thôn Phú Tiến, xã Đăk Nang (Dự kiến tại Km 2.500 đến Km 3.500); Đường bê tông vào khu sản xuất thôn Phú Tiến, xã Đăk Nang (Dự kiến tại Km 3.500 đến Km 4.500) bổ sung danh mục công trình từ nguồn vốn điều chỉnh giảm các công trình do trùng quy hoạch 3 loại rừng.

- Các công trình: Đường bê tông thôn Phú Tiến xã Đăk Nang (Giáp đường liên xã đến rẫy Bà Hà); Đường bê tông thôn Phú Lợi, xã Đăk Nang; Đường bê tông vào nghĩa trang trung tâm xã; Đường bê tông thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang (cạnh rẫy Y - Bờ đến rẫy ông Thống); Đường bê tông thôn Phú Tân, xã Đăk Nang (Nối tiếp đường bê tông đến đất ông Thái Văn Thông); Làm đường bê tông từ kênh chính đến đất ông Nguyễn Văn Thắng vào khu Chuồng Trâu thôn Phú Thịnh, điều chỉnh quy mô đầu tư.

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

**3. Lý do điều chỉnh:** Do điều chỉnh tên công trình, thời gian thực hiện, quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và một số công trình của xã Đăk Nang (gồm các công trình: Trường THCS Đăk Nang, quy mô: Mở rộng

diện tích trường THCS Đăk Nang diện tích khoảng 3000 m<sup>2</sup>; Đường bê tông thôn Phú Thịnh xã Đăk Nang (cạnh rẫy bà Tứ đến rẫy ông Y - Blờ); Đường bê tông thôn Phú Tiến xã Đăk Nang (Giáp đường liên xã đến rẫy ông Lê Tuấn Vũ); Đường bê tông thôn Phú Tiến xã Đăk Nang (Giáp đường liên xã đến rẫy ông Bình)) điều chỉnh sang danh mục công trình khác do trùng với quy hoạch ba loại rừng và chưa điều chỉnh quy hoạch.

**4.** Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Krông Nô về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô.

*(Kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Đề xuất của các cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia về việc danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 thực hiện thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô)*

Với những nội dung như trên, UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết nghị./.

***Nơi nhận:***

- Huyện ủy; (b/c)
- HĐND huyện; (b/c)
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Đăng Ánh**

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN THUỘC 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG NÔ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn						Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Vốn huy động và vốn hợp pháp khác nếu có	
<b>A</b>	<b>TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG</b>												
<b>I</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI</b>					<b>5.043,000</b>	<b>5.043,000</b>	<b>5.043,000</b>	-	-	-	-	
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>					<b>2.841</b>	<b>2.841</b>	<b>2.841</b>	-	-	-	-	
1.3	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Bon Choih, xã Đức Xuyên	Xã Buôn Choah	2023-2025	Phòng Dân tộc	Cấp nước sinh hoạt cho khoảng 80 hộ DTTS được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	2.841	2.841	2.841					
<b>2</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc</b>					<b>2.202,000</b>	<b>2.202,000</b>	<b>2.202,000</b>	-	-	-	-	
<b>2.1</b>	<b>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc</b>					<b>2.202,000</b>	<b>2.202,000</b>	<b>2.202,000</b>	-	-	-	-	
2.1.1	Đường nội thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	2024	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	0,4km	400,000	400,000	400					
2.1.2	Đường bê tông ra khu sản xuất thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	2024	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	0,5km	600,000	600,000	600					
2.1.3	Đường bê tông ra khu sản xuất thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	2024	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	0,7km	1.202,000	1.202,000	1.202					
<b>II</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>					<b>17.855,288</b>	<b>17.855,288</b>	<b>9.556,278</b>	-	-	<b>6.536,330</b>	<b>1.762,680</b>	
<b>1</b>	<b>XÃ NĂM N'ĐIR</b>					<b>1.000,000</b>	<b>1.000,000</b>	<b>500,000</b>	-	-	<b>348,500</b>	<b>151,500</b>	
1.1	Đường bê tông nông thôn từ Quốc lộ 28 đến rẫy nhà ông Lê Văn Phương (Thôn Nam Xuân)	Xã Năm N'Đir	2024-2025	BQL CTMTQG xã Năm N'Đir	Đường bê tông dài khoảng 1000m, rộng 3m, dày 0,16m	1.000,000	1.000,000	500,000			348,500	151,500	
<b>2</b>	<b>XÃ NAM XUÂN</b>					<b>2.280,210</b>	<b>2.280,210</b>	<b>969,090</b>	-	-	<b>969,090</b>	<b>342,030</b>	
2.1	Đường bê tông thôn Lương Sơn xã Nam Xuân (Từ nhà ông Nguyễn Văn Khuê đến nhà ông Phạm Công Thức 120m); (từ rẫy ông Nguyễn Văn Thủ đến rẫy bà Nguyễn Thị Lỵ 495m)	Xã Nam Xuân	2024-2025	BQL các CTMTQG xã Nam Xuân	Tuyến đường dài 615m, rộng 03m, dày 0,16m	738,000	738,000	313,650			313,650	110,700	
2.2	Đường bê tông thôn Thanh Sơn xã Nam Xuân. Gồm 3 tuyến: (Từ đường bê tông WB đến nhà ông Vi Văn Bé 221m); (Từ nhà ông Hứa Xuân Huân đến nhà bà Lương Thị Kiểm 133m); (Từ nhà ông Hoàng Văn Len đến nhà ông Chu Văn Thời 72m)	Xã Nam Xuân	2024-2025	BQL các CTMTQG xã Nam Xuân	Tuyến đường dài 426m, rộng 03m, dày 0,16m	511,200	511,200	217,260			217,260	76,680	
2.3	Đường bê tông thôn Đăk Sơn xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	2024-2025	BQL các CTMTQG xã Nam Xuân	Tuyến đường dài 450m, rộng 03m, dày 0,16m	551,010	551,010	234,180			234,180	82,650	

Stt	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn						Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Vốn huy động và vốn hợp pháp khác nếu có	
2.4	Nhà vệ sinh các thôn Lương Sơn, Đăk Hưng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	2024-2025	BQL các CTMTQG xã Nam Xuân	Nhà vệ sinh	240,000	240,000	102,000			102,000	36,000	
2.5	Đường bê tông thôn Đăk Thanh xã Nam Xuân (từ nhà ông Lương Thanh Điện đến nhà ông Bùi Giang Nam)	Xã Nam Xuân	2024-2025	BQL các CTMTQG xã Nam Xuân	Tuyến đường dài 200m, rộng 03m, dày 0,16m	240,000	240,000	102,000			102,000	36,000	
<b>3</b>	<b>XÃ QUẢNG PHÚ</b>					<b>4.751,578</b>	<b>4.751,578</b>	<b>2.565,188</b>	-	-	<b>1.709,74</b>	<b>476,650</b>	
3.1	Xây mới nhà văn hóa Thôn Phú Lợi	Xã Quảng Phú	2024-2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	Xây mới hội trường diện tích 120m <sup>2</sup> và nhà vệ sinh	1.550,000	1.550,000	790,500			527,000	232,500	
3.2	Xây mới công hàng rào nhà văn hóa thôn Phú Vinh	Xã Quảng Phú	2024-2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	- Tường rào dài 160m, xây trụ gạch, móng đá học, lưới B40; Cổng dài 6,5m, cao đến mái 4,5m, trụ gạch không nung)	800,000	800,000	456,000			304,000	40,000	
3.3	Xây mới công, tường rào, nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn Phú Hòa	Xã Quảng Phú	2024-2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	- Tường rào dài 99,5m, xây trụ gạch, móng đá học, lưới B40; Cổng dài 6,5m, cao đến mái 4,5m, trụ gạch không nung) , sân bê tông 300 m <sup>3</sup>	1.160,000	1.160,000	661,200			440,800	58,000	
3.4	Sân bê tông trường bê Văn Đàn ( Phân hiệu Thôn Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	2024-2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	sân bê tông 1000 m <sup>2</sup>	400,000	400,000	228,000			152,000	20,000	
3.5	Xây mới công hàng rào nhà văn hóa thôn Phú Lợi	Xã Quảng Phú	2024-2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	- Tường rào dài 140m, xây trụ gạch, móng đá học, lưới B40; Cổng dài 6,5m, cao đến mái 4,5m, trụ gạch không nung)	841,578	841,578	429,488			285,940	126,150	
<b>4</b>	<b>XÃ ĐẮK NANG</b>					<b>9.823,500</b>	<b>9.823,500</b>	<b>5.522,000</b>	-	-	<b>3.509,000</b>	<b>792,500</b>	
4.1	Đường bê tông thôn Phú Tân, xã Đăk Nang(Nối tiếp đường bê tông đến đất ông Thái Văn Thông)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài 500m, rộng 3m, dày 0,16m	712,500	712,500	333,000			271,000	108,500	
4.2	Trường THCS Đăk Nang	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Mở rộng diện tích trường THCS Đăk Nang diện tích khoảng 3000 m <sup>2</sup>	1.137,000	1.137,000	594,000			486,000	57,000	Điều chỉnh giảm do trùng với quy hoạch 3 loại rừng
4.3	Đường bê tông thôn Phú Thịnh xã Đăk Nang (cạnh rẫy bà Tứ đến rẫy ông Y - Blờ)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài 1000m, rộng 3m, dày 0,16m	1.228,000	1.228,000	720,000			444,000	64,000	Điều chỉnh giảm do trùng với quy hoạch 3 loại rừng
4.4	Đường bê tông thôn Phú Tiến xã Đăk Nang (Giáp đường liên xã đến rẫy ông Lê Tuấn Vũ)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài 1000m, rộng 3m, dày 0,16m	1.226,000	1.226,000	729,000			435,000	62,000	Điều chỉnh giảm do trùng với quy hoạch 3 loại rừng
4.5	Đường bê tông thôn Phú Tiến xã Đăk Nang( Giáp đường liên xã đến rẫy Bà Hà)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài 500m, rộng 3m, dày 0,16m	684,500	684,500	402,000			248,000	34,500	
4.6	Đường bê tông thôn Phú Lợi, xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài 1000m, rộng 3m, dày 0,16m	1.210,000	1.210,000	743,000			282,000	185,000	
4.7	Đường bê tông vào nghĩa trang trung tâm xã	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài 150m, rộng 3m, dày 0,16m	212,000	212,000	100,000			80,000	32,000	
4.8	Đường bê tông thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang (cạnh rẫy Y - Blờ đến rẫy ông Thông)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài 1000m, rộng 3m, dày 0,16m	1.228,000	1.228,000	720,000			444,000	64,000	
4.9	Đường bê tông thôn Phú Tiến xã Đăk Nang( Giáp đường liên xã đến rẫy ông Bình)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài 1000m, rộng 3m, dày 0,16m	1.228,000	1.228,000	720,000			444,000	64,000	Điều chỉnh giảm do trùng với quy hoạch 3 loại rừng
4.10	Đường bê tông thôn Phú Tân, xã Đăk Nang(Nối tiếp đường bê tông đến đất ông Thái Văn Thông)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài 500m, rộng 3m, dày 0,16m	711,500	711,500	331,000			272,000	108,500	
4.11	Làm đường bê tông từ kênh chính đến đất ông Nguyễn Văn Thắng vào khu Chuồng Trâu thôn Phú Thịnh	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài 200m, rộng 3m, dày 0,16m	246,000	246,000	130,000			103,000	13,000	



Stt	Dan h mục công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn						Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Vốn huy động và vốn hợp pháp khác nếu có	
<b>B</b>	<b>SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG</b>												
<b>I</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI</b>					<b>5.053,000</b>	<b>5.053,000</b>	<b>5.053,000</b>	-	-	-	-	
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>					<b>2.851</b>	<b>2.851</b>	<b>2.851</b>	-	-	-	-	
1.3	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Bon Choih, xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	2024-2025	Phòng Dân tộc	Cấp nước sinh hoạt cho khoảng 80 hộ DTTS được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	2.851	2.851	2.851					Điều chỉnh tổng mức đầu tư, địa điểm xây dựng, thời gian thực hiện
<b>2</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc</b>					<b>2.202,000</b>	<b>2.202,000</b>	<b>2.202,000</b>	-	-	-	-	
<b>2.1</b>	<b>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc</b>					<b>2.202,000</b>	<b>2.202,000</b>	<b>2.202,000</b>	-	-	-	-	
2.1.20	Đường nội thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	2024	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	Chiều dài khoảng 0,4km	400,000	400,000	400					Điều chỉnh quy mô
2.1.21	Đường bê tông ra khu sản xuất thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	Chiều dài khoảng 0,5km	600,000	600,000	600					Điều chỉnh quy mô, thời gian thực hiện
2.1.22	Đường bê tông ra khu sản xuất thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	2024-2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	Chiều dài khoảng 0,7km	1.202,000	1.202,000	1.202					Điều chỉnh quy mô, thời gian thực hiện
<b>II</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>					<b>19.455,288</b>	<b>19.455,288</b>	<b>9.556,278</b>	<b>1.600,000</b>	-	<b>5.925,330</b>	<b>2.373,680</b>	
<b>1</b>	<b>XÃ NĂM N'ĐIR</b>					<b>1.800,000</b>	<b>1.800,000</b>	<b>500,000</b>	<b>800,000</b>	-	<b>20,500</b>	<b>479,500</b>	
1.1	Đường bê tông nông thôn từ Quốc lộ 28 đến rẫy nhà ông Lê Văn Phương (Thôn Nam Xuân)	Xã Năm N'Đir	2024-2025	BQL CTMTQG xã Năm N'Đir	Đường bê tông dài khoảng 1000m, rộng 3m, dày 0,16m	1.000,000	1.000,000	500,000			20,500	479,500	Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn
1.2	Công chào xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	2024-2025	BQL CTMTQG xã Năm N'Đir		800,000	800,000		<b>800,000</b>				Bổ sung công trình Thương phức lợi theo QĐ 646/QĐ-UBND ngày 31/5/2024
<b>2</b>	<b>XÃ NAM XUÂN</b>					<b>3.080,210</b>	<b>3.080,210</b>	<b>969,090</b>	<b>800,000</b>	-	<b>686,090</b>	<b>625,030</b>	
2.1	Đường bê tông thôn Lương Sơn xã Nam Xuân (Từ nhà ông Nguyễn Văn Khuê đến nhà ông Phạm Công Thức dài khoảng 120m; từ rẫy ông Nguyễn Văn Thủ đến rẫy bà Nguyễn Thị Lược dài khoảng 495m)	Xã Nam Xuân	2024-2025	BQL các CTMTQG xã Nam Xuân	Tuyến đường dài khoảng 615m, rộng 03m, dày 0,16m	738,000	738,000	313,650			219,650	204,700	Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn, quy mô đầu tư
2.2	Đường bê tông thôn Thanh Sơn xã Nam Xuân. Gồm 3 tuyến: (Từ đường bê tông WB đến nhà ông Vi Văn Bé dài khoảng 221m; Từ nhà ông Hứa Xuân Huân đến nhà bà Lương Thị Kiêm dài khoảng 133m; Từ nhà ông Hoàng Văn Len đến nhà ông Chu Văn Thời dài khoảng 72m)	Xã Nam Xuân	2024-2025	BQL các CTMTQG xã Nam Xuân	Tuyến đường dài khoảng 426m, rộng 03m, dày 0,16m	511,200	511,200	217,260			123,260	170,680	Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn, quy mô đầu tư
2.3	Đường bê tông thôn Đăk Sơn xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	2024-2025	BQL các CTMTQG xã Nam Xuân	Tuyến đường dài khoảng 450m, rộng 03m, dày 0,16m	551,010	551,010	234,180			234,180	82,650	Điều chỉnh quy mô đầu tư

Stt	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn						Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Vốn huy động và vốn hợp pháp khác nếu có	
2.4	Nhà vệ sinh các thôn Lương Sơn, Đăk Hưng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	2024-2025	BQL các CTMTQG xã Nam Xuân	Nhà vệ sinh	240,000	240,000	102,000			7,000	131,000	Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn
2.5	Đường bê tông thôn Lương Sơn xã Nam Xuân (đoạn đầu từ nhà ông Ngô Quang Trung đến nhà ông Bùi Văn Biền)	Xã Nam Xuân	2024-2025	BQL các CTMTQG xã Nam Xuân	Tuyến đường dài khoảng 200m, rộng 03m, dày 0,16m	240,000	240,000	102,000			102,000	36,000	Điều chỉnh quy mô đầu tư
2.6	Công chào xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	2024-2025	BQL các CTMTQG xã Nam Xuân		800,000	800,000		800,000				Bổ sung công trình thường phục lợi theo QĐ 646/QĐ-UBND ngày 31/5/2024
<b>3</b>	<b>XÃ QUẢNG PHÚ</b>					<b>4.751,578</b>	<b>4.751,578</b>	<b>2.565,188</b>	-	-	<b>1.709,740</b>	<b>476,650</b>	
3.1	Xây mới nhà văn hóa Thôn Phú Lợi	Xã Quảng Phú	2024-2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	Xây mới hội trường diện tích khoảng 120m2 và nhà vệ sinh	1.550,000	1.550,000	790,500			527,000	232,500	Điều chỉnh quy mô
3.2	Xây mới công hàng rào nhà văn hóa thôn Phú Vinh	Xã Quảng Phú	2024-2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	- Tường rào dài khoảng 125m; Công dài khoảng 9m; sân bê tông diện tích khoảng 170m2; nhà vệ sinh	800,000	800,000	456,000			304,000	40,000	Điều chỉnh quy mô
3.3	Xây mới công, tường rào, nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn Phú Hòa	Xã Quảng Phú	2024-2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	- Tường rào dài khoảng 99,5m, Công dài khoảng 6,5m, sân bê tông diện tích khoảng 300 m <sup>3</sup>	1.160,000	1.160,000	661,200			440,800	58,000	Điều chỉnh quy mô
3.4	Sân bê tông trường bê Văn Đàn (Phân hiệu Thôn Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	2024-2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	sân bê tông diện tích khoảng 1000 m <sup>2</sup>	400,000	400,000	228,000			152,000	20,000	Điều chỉnh quy mô
3.5	Xây mới công hàng rào nhà văn hóa thôn Phú Lợi	Xã Quảng Phú	2024-2025	BQL CTMTQG xã Quảng Phú	- Tường rào dài khoảng 140m, Công dài khoảng 6,5m	841,578	841,578	429,488			285,940	126,150	Điều chỉnh quy mô
<b>4</b>	<b>XÃ ĐẮK NANG</b>					<b>9.823,500</b>	<b>9.823,500</b>	<b>5.522,000</b>	-	-	<b>3.509,000</b>	<b>792,500</b>	
4.1	Đường bê tông vào khu sản xuất thôn Phú Tân, xã Đăk Nang.	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài khoảng 500m, rộng 3m, dày 0,16m	712,500	712,500	333,000			271,000	108,500	Điều chỉnh quy mô
4.2	Đường bê tông nông thôn vào khu sản xuất thôn Phú Tiến, xã Đăk Nang (Dự kiến tại Km 1.500 đến Km 2.500)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài khoảng 1000m, rộng 3 m, dày 16cm	1.137,000	1.137,000	594,000			486,000	57,000	Bổ sung danh mục công trình
4.3	Đường bê tông thôn Phú Thịnh xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài khoảng 500m, rộng 3m, dày 0,16m; Công và rãnh thoát nước 2 bên với chiều dài khoảng 300m.	1.228,000	1.228,000	720,000			444,000	64,000	Bổ sung danh mục công trình
4.4	Đường bê tông vào khu sản xuất thôn Phú Tiến, xã Đăk Nang (Dự kiến tại Km 2.500 đến Km 3.500)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài khoảng 1000m, rộng 3m, dày 0,16m	1.226,000	1.226,000	729,000			435,000	62,000	Bổ sung danh mục công trình
4.5	Đường bê tông thôn Phú Tiến xã Đăk Nang( Giáp đường liên xã đến rẫy Bà Hà)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài khoảng 500m, rộng 3m, dày 0,16m	684,500	684,500	402,000			248,000	34,500	Điều chỉnh quy mô đầu tư
4.6	Đường bê tông thôn Phú Lợi, xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài khoảng 1000m, rộng 3m, dày 0,16m	1.210,000	1.210,000	743,000			282,000	185,000	Điều chỉnh quy mô đầu tư
4.7	Đường bê tông vào nghĩa trang trung tâm xã	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài khoảng 150m, rộng 3m, dày 0,16m	212,000	212,000	100,000			80,000	32,000	Điều chỉnh quy mô đầu tư
4.8	Đường bê tông thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang (cạnh rẫy Y - Blở đến rẫy ông Thống)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài khoảng 1000m, rộng 3m, dày 0,16m	1.228,000	1.228,000	720,000			444,000	64,000	Điều chỉnh quy mô đầu tư
4.9	Đường bê tông vào khu sản xuất thôn Phú Tiến, xã Đăk Nang( Dự kiến tại Km 3.500 đến Km 4.500)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài khoảng 1000m, rộng 3m, dày 0,16m	1.228,000	1.228,000	720,000			444,000	64,000	Bổ sung danh mục công trình

Stt	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn					Ghi chú	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		Vốn huy động và vốn hợp pháp khác nếu có
4.10	Đường bê tông thôn Phú Tân, xã Đăk Nang(Nối tiếp đường bê tông đến đất ông Thái Văn Thông)	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài khoảng 500m, rộng 3m, dày 0,16m	711,500	711,500	331,000			272,000	108,500	Điều chỉnh quy mô đầu tư
4.11	Làm đường bê tông từ kênh chính đến đất ông Nguyễn Văn Thắng vào khu Chuông Trâu thôn Phú Thịnh	Xã Đăk Nang	2024- 2025	BQL CTMTQG xã Đăk Nang	Chiều dài khoảng 200m, rộng 3m, dày 0,16m	246,000	246,000	130,000			103,000	13,000	Điều chỉnh quy mô đầu tư